

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2023

V/v: ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hùng

2. Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp về ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1980. Địa chỉ: ấp TH, xã An ThĐ, huyện C B, tỉnh T G. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn Bòn E, sinh năm: 1986. Địa chỉ: số 56/1 ấp G L, xã G T, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2022, bản khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Trình bày:

Chị Thảo và anh Bòn E kết hôn năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã An ThĐ, huyện , tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/11/2008. Chị T và anh Bòn E có 02 con chung là Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương Tâm, sinh ngày 27/10/2008. Trong quá trình chung sống chị Thảo và anh Bòn E không có tài sản chung, không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 01/2021 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống; không tìm được điểm chung trong lối sống, hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Chị

Thảo nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, không ai còn quan tâm ai. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú giải quyết cho chị T các vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Lương Văn Bồn E, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008. Không yêu cầu anh Bồn E cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 14/3/2023, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 14/3/2023 bị đơn anh Lương Văn Bồn E trình bày:

Anh Bồn E và chị T kết hôn năm 2008, được Ủy ban nhân dân xã An TĐ, huyện CB, tỉnh TG. Anh Bồn E và chị T có 02 con chung là Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008. Trong quá trình chung sống anh Bồn E và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung.

Anh Bồn E nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú. Đối với yêu cầu ly hôn của chị thì anh Bồn E trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Bồn E đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Anh Bồn E đồng ý giao con chung Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008 cho chị T nuôi dưỡng. Nếu chị Thảo không nuôi được anh Bồn E nhận nuôi các con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:
Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký:
Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Thảo đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lương Văn Bồn E không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị: Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 BLTTDS; áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề xuất:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Lương Văn Bòn E.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là cháu: Lương Phương Xuân T sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008; anh Lương Văn Bòn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Lương Văn Bòn E đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 56/1 ấp G L, xã G T, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lương Văn Bòn E có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lương Văn Bòn E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An TĐ, huyện CB, tỉnh T G chứng nhận ngày 25/11/2008. Do đó hôn nhân của anh Bòn Em, chị Thảo đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu T cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Bòn E đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được điểm chung trong lối sống. Chị T và anh Bòn E đã không còn sống chung và hiện không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Đối với anh Bòn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng vào ngày 14/3/2023 anh Bòn E có nộp cho Tòa án bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung anh Bòn E đồng ý ly hôn với chị T, đồng ý giao con chung Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008 cho chị T nuôi dưỡng, nếu chị Thảo

không nuôi được anh Bòn E nhận nuôi các con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nên có cơ xác định anh Bòn E đồng ý ly hôn với chị T và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp. Do chị T không yêu cầu anh Bòn E phải cấp dưỡng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Từ khi chị T và anh Bòn E không còn sống chung cho đến nay chị Thảo là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008. Quá trình tố tụng ghi nhận được ý kiến của anh Bòn E về việc đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Qua biên bản lấy ý kiến ngày 12/12/2022 cháu Lương Phương Tâm trình bày nguyện vọng được sống với mẹ là chị T. Xét thấy hiện nay cháu Xuân T và cháu Phương T đang sống ổn định, được chị T nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên để cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con sẽ tạo điều kiện tốt cho việc phát triển tâm, sinh lý bình thường của con chung. Lẽ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008 cho chị Thảo trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do anh Bòn E trình bày không cấp dưỡng nuôi con, chị T trình bày không yêu cầu anh Bòn E cấp dưỡng nuôi con. Sau này chị T có yêu cầu anh Bòn E cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Bòn E trình bày không có. Chị T và anh Bòn E được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 207, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Lương Văn Bòn E. Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Thị Thu T. Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lương Phương Xuân T, sinh ngày 01/11/2018 và Lương Phương T, sinh ngày 27/10/2008. Anh Bòn E không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Lương Văn Bòn E trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007510 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã GTh;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Xuân Tùng Lê Văn Tài

Hồ Thị Triết